

# Çèngchžfă

Jīng jén "orthography" şır jě.<sup>1)</sup>

## Khòngké

Khějí túlì çhéngwéi jí kę chzthíau tę, cìou líensie (pú khòngké)

- tǔan cǔ vs. tǔancǔ
- [TopoSP] Tháipěi Şır?  
[TopoAG]<sup>2)</sup> Tháipěişır?
- Fǒuting:
  - tòngchz ✓: m̄ hò, pú jàu
  - síngzóngchz ✗(líensie, jě pú yòng hyphen): mosíongkónkē, pùjíçrtę

## "tę"

(jì şryòng yū chíthā Hanyü tę thóngteng chz ę, kē...)

- síngzóngchz wěi, zénchēng súojöuké wěi: chǐngsiang yū chzkàn líensie häutę, wōtę
- tǔan cǔ / phienyü wěi: szhū püté pù túlì çhéng chz wō cùothien chü şrçhang khàn tau tę

## Líenczhàu

- Síkùan tę cíhényü, phienyü:
  - pù-té-pù? püté pù?
  - Jíwèncǔ: jàu-pújàu? jàupújàu?
  - cō-m-tet
- Tíeczhz: **chǐngsiang pú yòng!** çhángçháng, cīapcīap<sup>3)</sup>

## Kéjinfú

### Fúhàu

- · (U+00B7 MIDDLE DOT)
- ' (U+02C8: MODIFIER LETTER VERTICAL LINE, Primary stress)
- ' (apostrophe)
- XVČV (U+0308: COMBINING DIAERESIS, Centralised diacritic)
- XVČV (U+0300: COMBINING GRAVE ACCENT, Low tone)
- XVĆV (U+0301: COMBINING ACUTE ACCENT, High tone)

## Şicī

- V|CCV: lophēt? lō·phēt?

## Şenqtıau

- Jōu líentúpiéntıau siensiang tę yujén: pīau şrci yülíou çōng çř "piéntıau", tānjincie şr chái pīau "péntıau".

1)

英言 orthography 是也。

2)

agglutinative

3)

輒輒

From:

<http://ciangbrides.myds.me/dw!/abcdori.ga/> - **Abecedarium Orientale**



Permanent link:

<http://ciangbrides.myds.me/dw!/abcdori.ga/orthography?rev=1522682959>

Last update: **2018/04/02 23:29**